

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 29
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	30



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty thay đổi lần thứ 15 số 4000386181 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VHG.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại : +84 (235) 3 947 234
- Fax : +84 (235) 3 943 333
- Mã số thuế : 4 0 0 0 3 8 6 1 8 1

• Thông tin về Công ty con

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	96,91%	96,91%	96,91%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	98,66%	98,66%	98,66%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và trồng cây cao su.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Thắng Lợi	Thành viên	-	-
Ông Khuất Duy Tiến	Thành viên	-	-
Bà Phạm Thị Minh Phượng	Thành viên	19/07/2017	-
Ông Trần Đăng Khoa	Thành viên	-	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng Ban	-	-
Ông Nguyễn Đình Quyết	Thành viên	-	-
Bà Hồ Thị Thu Hồng	Thành viên	-	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-
Ông Lê Khiếu Phương	Kế toán trưởng	-	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng từ trang 07 đến trang 30.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đang thực hiện tái cơ cấu tài chính, do vậy, trong năm Công ty tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất.

Ngày 02 tháng 03 năm 2018, Công ty có thành lập văn phòng đại diện theo số 4000386181-003 tại địa chỉ Lô 05 Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng Quản trị



VŨ ANH TUẤN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018.

Số: 2209/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty CP Đầu tư Cao su Quảng Nam, được lập ngày 03 tháng 4 năm 2018, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hiện tại, Công ty lập dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây theo giá sổ sách ước tính giá trị có thể thu hồi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 170.278.826.266 đồng. Theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 thì Công ty sẽ không phải trích lập số tiền nêu trên. Theo đó, làm cho kết quả kinh doanh trong năm lỗ từ (1.042.229.616.938) đồng xuống (871.950.790.672) đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán đang lỗ từ (926.100.224.727) đồng xuống (755.821.398.461) đồng và làm cho chỉ tiêu “các khoản dự phòng – mã 03” trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ thay đổi từ 685.390.987.018 đồng xuống 515.112.160.752 đồng.

Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Theo thuyết minh mục VII.5, hiện tại, Công ty chỉ còn đầu tư vào 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam và 1 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây. Các khoản đầu tư này hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, nhân sự cũng giảm sút. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 08 tháng 04 năm 2017, với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKH số: 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên
Giấy CNDKH số: 2141-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		123.370.499.857	158.934.116.691
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	275.549.955	1.434.940.190
111	1. Tiền		275.549.955	1.434.940.190
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.2a	86.000.000	86.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		350.000.000	350.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(264.000.000)	(264.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		122.973.705.990	138.447.716.350
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.3	10.119.298.506	38.365.981.135
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.4	10.265.081.755	48.307.673.923
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5.5	185.713.828.640	73.262.411.621
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.6	(83.124.502.911)	(21.488.350.329)
140	IV. Hàng tồn kho		-	16.057.601.192
141	1. Hàng tồn kho	5.7	8.910.019.214	16.566.137.192
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(8.910.019.214)	(508.536.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.243.912	2.907.858.959
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	47.000.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.160.021	2.828.775.068
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		32.083.891	32.083.891
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		528.783.075.450	1.482.815.519.375
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		-	33.924.689
221	1. Tài sản cố định hữu hình		-	33.924.689
222	- Nguyên giá		-	3.490.611.849
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(3.456.687.160)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.8	-	-
228	- Nguyên giá		675.311.099	675.311.099
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(675.311.099)	(675.311.099)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	8.910.019.214
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	8.910.019.214
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2b	528.783.075.450	1.473.871.575.472
251	1. Đầu tư vào công ty con		923.755.000.000	827.052.302.659
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	633.340.400.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		225.902.553.859	19.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(620.874.478.409)	(5.521.127.187)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		652.153.575.307	1.641.749.636.066

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

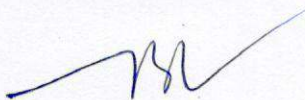
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		52.084.685.150	8.536.565.671
310	I. Nợ ngắn hạn		49.857.926.653	3.761.173.251
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	5.9	1.371.626.348	1.590.941.848
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		65.647.215	152.918.854
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.10	162.268.816	695.445.056
314	4. Phải trả người lao động		48.215.958	99.547.884
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		563.735.240	59.671.511
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	5.11	41.199.387.410	215.602.432
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.12a	5.500.000.000	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		947.045.666	947.045.666
330	II. Nợ dài hạn		2.226.758.497	4.775.392.420
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.12b	2.226.758.497	4.775.392.420
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		600.068.890.157	1.633.213.070.395
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.13	600.068.890.157	1.633.213.070.395
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.169.114.884	49.666.628.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
415	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(32.582.949.816)
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(926.100.224.727)	116.129.392.211
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		116.129.392.211	118.905.515.663
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(1.042.229.616.938)	(2.776.123.452)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		652.153.575.307	1.641.749.636.066

Quảng Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu



TRƯƠNG VĂN THỊNH

Kế toán trưởng



LÊ KHIẾU PHƯƠNG



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

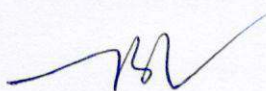
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	16.078.973.210	969.746.050.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.078.973.210	969.746.050.000
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	24.967.620.406	970.526.740.000
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(8.888.647.196)	(780.690.000)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		5.540.534	53.926.633.699
22	7. Chi phí tài chính	6.3	965.636.730.501	34.457.974.360
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		784.187.214	5.322.839.169
25	8. Chi phí bán hàng		16.911.364	147.702.420
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.4	63.049.933.288	15.030.594.668
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.037.586.681.815)	3.509.672.251
31	11. Thu nhập khác		45.580.000	-
32	12. Chi phí khác	6.6	4.365.137.812	4.565.220.045
40	13. Lợi nhuận khác		(4.319.557.812)	(4.565.220.045)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.041.906.239.627)	(1.055.547.794)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.10	323.377.311	1.720.575.658
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.042.229.616.938)	(2.776.123.452)

Quảng Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu



TRƯƠNG VĂN THỊNH

Kế toán trưởng



LÊ KHIẾU PHƯƠNG



Tổng Giám Đốc

VU ANH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

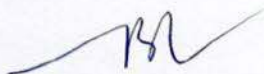
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.041.906.239.627)	(1.055.547.794)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.035.695.824.168	(7.489.773.031)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		9.749.542	166.062.020
03	- Các khoản dự phòng		685.390.987.018	14.454.353.882
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		349.510.900.754	(27.433.028.102)
06	- Chi phí lãi vay		784.186.854	5.322.839.169
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.210.415.459)	(8.545.320.825)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		32.753.458.822	380.037.017.319
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		16.566.137.192	4.467.704.000
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		39.769.312.722	(97.586.601.375)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		47.000.000	(39.000.000)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	10.282.280.522
14	- Tiền lãi vay đã trả		(280.123.485)	(5.263.167.658)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(10.253.986.548)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.085.436.700	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(56.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		91.730.806.492	273.042.925.435
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	4.097.500.000
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		45.580.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(147.969.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	282.669.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(95.892.683.338)	(1.053.104.276.850)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	285.916.591.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.540.534	21.627.142.101
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(95.841.562.804)	(606.763.043.749)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		19.049.578.000	175.954.291.835
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(16.098.211.923)	(230.675.117.182)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.951.366.077	(54.720.825.347)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(1.159.390.235)	(388.440.943.661)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.434.940.190	389.875.883.851
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		275.549.955	1.434.940.190


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Tổng Giám Đốc







TRƯƠNG VĂN THỊNH

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐÔNG ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và trồng cây cao su.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động trồng và khai thác cao su có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, nhân sự giảm sút đáng kể

Công ty đang thực hiện tái cơ cấu tài chính, do vậy, trong năm Công ty tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	Khai thác khoáng sản	96,91%	96,91%	96,91%
2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	Trồng cây Cao su	98,66%	98,66%	98,66%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Không có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Giả thiết về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Hiện tại, Công ty chỉ còn đầu tư vào 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam và 1 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây. Các khoản đầu tư này hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, nhân sự cũng giảm sút. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 07

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá: bán sản và đá cẩm thạch.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	156.087.903	12.727.490
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	119.462.052	1.422.212.700
Cộng	275.549.955	1.434.940.190

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/dài hạn**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)
- Công ty TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu (VMG)	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)
Cộng	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	923.755.000.000	472.456.650.516	(450.595.652.143)	827.052.302.659	821.531.175.472	(5.521.127.187)
- Công ty Cp Khoáng sản Quảng Nam	627.755.000.000	252.434.474.607	(374.617.828.052)	627.052.302.659	621.531.175.472	(5.521.127.187)
- Công ty Cp Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	296.000.000.000	220.022.175.909	(75.977.824.091)	200.000.000.000	200.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	633.340.400.000	633.340.400.000	-
Công ty Cp Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	-	-	-	633.340.400.000	633.340.400.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	225.902.553.859	55.623.727.593	(170.278.826.266)	19.000.000.000	19.000.000.000	-
- Công ty Cp Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	225.902.553.859	55.623.727.593	(170.278.826.266)	-	-	-
Công ty Cp Thủy sản Viễn Đông	-	-	-	19.000.000.000	19.000.000.000	-
Cộng	1.149.657.553.859	528.080.378.109	(620.874.478.409)	1.479.392.702.659	1.473.871.575.472	(5.521.127.187)

^(*)Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được tạm tính theo giá gốc của các khoản đầu tư trừ cho dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư đó. Trong đó dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được tính theo hướng dẫn điều 5 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung điều 5 của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính (do không có giá giao dịch).

2c. Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(5.521.127.187)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(615.353.351.222)	(5.521.127.187)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(620.874.478.409)	(5.521.127.187)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn khách hàng các bên liên quan	-	-
Phải thu ngắn hạn khách hàng các khách hàng khác	10.119.298.506	38.365.981.135
- Công ty Cp XD Thủy Lợi - Thủy Điện Quảng Nam	865.742.848	865.742.848
- Công ty Cp Kỹ thuật TM & Du lịch Thăng Long	616.500.601	616.500.601
- Chi nhánh Công ty Cp DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lập	464.032.000	464.032.000
- Các khách hàng khác	8.173.023.057	36.419.705.686
Cộng	10.119.298.506	38.365.981.135

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		48.307.673.923
- Công ty Cp Tư vấn HANDIC- Đầu tư và PT Nhà Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
- Công ty Cp Xây lắp Bưu điện Hà Nội	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cp ĐT & SX Thống Nhất - CN Bình Phước	1.300.000.000	1.300.000.000
- Các nhà cung cấp khác	1.465.081.755	39.507.673.923
Cộng	<u>10.265.081.755</u>	<u>48.307.673.923</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	26.429.210.307	-	810.014.003	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	17.800.000.000	-	700.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam	8.629.210.307	-	110.014.003	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác các tổ chức và cá nhân khác</i>	159.284.618.333 (83.124.502.911)	-	72.452.397.618 (21.488.350.329)	-
- Phải thu khác	153.115.618.333 (83.124.502.911)	-	72.415.618.333 (21.488.350.329)	-
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	6.150.000.000	-	3.779.285	-
- Các khoản ký quỹ ngắn hạn	19.000.000	-	33.000.000	-
- Các khoản bảo hiểm nộp thừa	-	-	-	-
Cộng	<u>185.713.828.640 (83.124.502.911)</u>	-	<u>73.262.411.621 (21.488.350.329)</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan			-		-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		92.973.613.198	9.849.110.287		676.119.655	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		10.423.807.070	893.099.457		38.365.981.135	26.331.426.104
- Công ty Cp XD Thủy Lợi - Thủy Điện Quảng Nam	Trên 3 năm	865.742.848	-	Trên 3 năm	865.742.848	-
- Cty Cp kỹ thuật TM & du lịch Thăng Long	Trên 3 năm	616.500.601	-	Trên 3 năm	616.500.601	-
- CN Công ty Cp DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp	Trên 3 năm	464.032.000	-	Trên 3 năm	464.032.000	-
- CN Công ty Cp Đầu Tư & Xây dựng Bưu Điện Miền Trung	Trên 3 năm	404.615.760	-	Trên 3 năm	404.615.760	-
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	8.072.915.861	893.099.457	Từ 1 năm đến trên 3 năm	36.015.089.926	26.331.426.104
Trả trước cho người bán ngắn hạn		11.400.804.755	2.222.627.790		48.307.673.923	40.819.496.958
- Công ty Cp Tư vấn HANDIC- Đầu tư và PT Nhà Hà Nội	Trên 3 năm	4.500.000.000	-	Trên 3 năm	4.500.000.000	-
- Công ty Cp Xây lắp Bưu điện Hà Nội	Trên 3 năm	3.000.000.000	-	Trên 3 năm	3.000.000.000	-
- Công ty CP ĐT & SX Thống Nhất - CN Bình Phước	Từ 06th - 01 năm	1.300.000.000	910.000.000		1.300.000.000	-
- Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	2.600.804.755	1.312.627.790	Từ 1 năm đến trên 3 năm	40.807.673.923	40.819.496.958
Phải thu ngắn hạn khác		71.149.001.373	6.733.383.040		73.262.411.621	72.596.793.288
- Công ty Cp Thủy sản Viễn Đông	Trên 3 năm	63.750.000.000	-		-	-
- Công ty Cp Điện tử - Viễn thông Tin học Bưu điện	Trên 3 năm	665.618.333	-	Trên 3 năm	665.618.333	-
- Các đối tượng khác	Dưới 6 tháng	6.733.383.040	6.733.383.040	Dưới 6 tháng	72.596.793.288	72.596.793.288
Cộng		92.973.613.198	9.849.110.287		159.936.066.679	138.447.716.350

Chi tiết biến động dự phòng

Số đầu năm	21.488.350.329
Tăng trong năm	64.214.508.082
Hoàn nhập trong năm	(2.578.355.500)
Số dư cuối năm	83.124.502.911

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	8.910.019.214 (8.910.019.214)	-	-	-
Hàng hóa	-	-	16.566.137.192	(508.536.000)
Cộng	8.910.019.214 (8.910.019.214)		16.566.137.192	(508.536.000)

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	675.311.099	675.311.099
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	675.311.099	675.311.099
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>675.311.099</i>	<i>675.311.099</i>
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	675.311.099	675.311.099
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	675.311.099	675.311.099
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	-	-

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán ngắn hạn các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Phải trả người bán đối tượng khác	1.371.626.348	1.590.941.848
- Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000
- Các nhà cung cấp khác	643.651.348	862.966.848
Cộng	1.371.626.348	1.590.941.848

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT tiêu thụ nội địa	-	-	1.226.912.350	1.226.912.350	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	158.807.641	-	323.377.311	323.377.311	158.807.641	-
- Thuế thu nhập cá nhân	15.448.404	-	25.090.059	37.077.288	3.461.175	-
- Thuế tài nguyên	-	32.083.891	-	-	-	32.083.891
- Các khoản thuế khác	521.189.011	-	302.312.052	823.501.063	-	-
Cộng	695.445.056	32.083.891	1.877.691.772	2.410.868.012	162.268.816	32.083.891

10a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

10b. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

		Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	(1.102.537.918.970)
Các khoản điều chỉnh tăng:	(3)	1.526.224.402
+ Chi phí không được trừ		1.526.224.402
Các khoản điều chỉnh giảm:	(4)	-
Tổng thu nhập chịu thuế (5) = (1) + (3) - (4)	(6)	(1.101.011.694.568)
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	(9) = (7)*20%	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	(11) = (9) - (10)	-
Thuế TNDN nộp truy thu của những năm trước ^(*)		323.377.311
Tổng số thuế TNDN phải nộp		323.377.311

^(*) Là khoản truy thu thuế theo Quyết định số 7309/QĐ-CT ngày 15/09/2017 của Cục thuế Quảng Nam.**11. Phải trả phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả, phải nộp khác các bên liên quan	-	-
Phải trả, phải nộp khác các nhà cung cấp khác	41.199.387.410	215.602.432
- Phan Chí Tâm	41.000.000.000	-
- Các khoản phải trả khác	199.387.410	215.602.432
Cộng	41.199.387.410	215.602.432

12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn
Ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-
- Huỳnh Thị Dạ Thảo ⁽¹⁾	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-
Cộng	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-

⁽¹⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng vay số 01/2017/HĐTD ký ngày 14/07/2017. Số tiền vay là 15.000.000.000 đồng Thời hạn vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay là 7,5%/năm. Mục đích vay bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.226.758.497	2.226.758.497	4.775.392.420	4.775.392.420
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây ⁽²⁾	2.226.758.497	2.226.758.497	4.775.392.420	4.775.392.420
Cộng	2.226.758.497	2.226.758.497	4.775.392.420	4.775.392.420

⁽²⁾ Là khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 10TD/THT-VHG ngày 01/10/2016; Hợp đồng tín dụng số 11TD/THT-VHG ngày 01/11/2016; và Hợp đồng tín dụng số 12TD/THT-VHG ngày 25/12/2016. Thời hạn cho vay là 18 tháng, lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Hình thức đảm bảo: vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn/dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.775.392.420	4.049.578.000	6.598.211.923	2.226.758.497
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	15.000.000.000	9.500.000.000	5.500.000.000
Cộng	4.775.392.420	19.049.578.000	16.098.211.923	7.726.758.497

13. Vốn chủ sở hữu

13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

13b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	-
Cộng	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	-

13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

13d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	1.500.000	150.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	150.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	(4.010.230)
- Cổ phiếu phổ thông	-	(4.010.230)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	145.989.770
- Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	145.989.770
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (đơn vị tính: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	16.078.973.210	969.746.050.000
Cộng	16.078.973.210	969.746.050.000

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng hóa	24.967.620.406	970.526.740.000
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	24.967.620.406	970.526.740.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	745.533.137	5.322.839.169
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	615.353.351.222	300.273.270
- Lỗ do bán cổ phần	349.537.846.142	28.438.509.815
- Chi phí tài chính khác	-	396.352.106
Cộng	<u>965.636.730.501</u>	<u>34.457.974.360</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	789.602.500	741.521.283
- Chi phí vật liệu quản lý	110.222.000	1.838.237
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.263.668	49.646.970
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
- Chi phí dự phòng	61.636.152.582	2.748.350.954
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.264.919	491.678.340
- Các chi phí khác	112.427.619	10.997.558.884
Cộng	<u>63.049.933.288</u>	<u>15.030.594.668</u>

5. Thu nhập khác

Là chênh lệch lớn hơn từ thu thanh lý TSCĐ và chi phí liên quan đến thanh lý TSCĐ.

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí phạt của cơ quan thuế	1.526.224.402	-
- Chi phí khác	2.838.913.410	4.565.220.045
Cộng	<u>4.365.137.812</u>	<u>4.565.220.045</u>

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	789.602.500	357.678.777
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.263.668	21.841.918
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.264.919	86.600.918
- Chi phí khác	112.427.619	14.856.403.701
Cộng	<u>1.410.780.706</u>	<u>15.322.525.314</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VND)

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
- Lương và thu nhập khác	230.812.500	240.000.000
- Cổ tức	-	-
Cộng	230.812.500	240.000.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	Là công ty con của Công ty, chiếm 96,91% cổ phần
2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Là công ty con của Công ty, chiếm 98,66% cổ phần

Giao dịch số dư với các bên liên quan xem Thuyết minh mục V.5

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chủ yếu là Doanh thu và giá vốn bán hàng hóa là sẵn.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. Thông tin so sánh

Số liệu cuối năm trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại thành số liệu đầu năm trên báo cáo cho năm kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu năm trên báo cáo năm nay	Số dư cuối năm theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
TÀI SẢN				
B. Tài sản dài hạn	200	1.482.815.519.375	1.486.119.413.195	(3.303.893.820)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	1.473.871.575.472	1.477.175.469.292	(3.303.893.820)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(5.521.127.187)	(2.217.233.367)	(3.303.893.820)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.641.749.636.066	1.645.053.529.886	(3.303.893.820)
NGUỒN VỐN				
D. Vốn chủ sở hữu	400	1.633.213.070.395	1.636.516.964.215	(3.303.893.820)
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.633.213.070.395	1.636.516.964.215	(3.303.893.820)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	116.129.392.211	119.433.286.031	(3.303.893.820)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.641.749.636.066	1.645.053.529.886	(3.303.893.820)

Bảng kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu năm trên báo cáo năm nay	Số dư cuối năm theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
Chi phí tài chính	22	34.457.974.360	31.154.080.540	3.303.893.820
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.509.672.251	6.813.566.071	(3.303.893.820)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(1.055.547.794)	2.248.346.026	3.303.893.820
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(2.776.123.452)	527.770.368	3.303.893.820

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu năm trên báo cáo năm nay	Số dư cuối năm theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.055.547.794)	2.248.346.026	3.303.893.820
2. Điều chỉnh cho các khoản		(7.489.773.031)	(10.793.666.851)	3.303.893.820
- Các khoản dự phòng	03	14.454.353.882	11.150.460.062	3.303.893.820

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Hiện tại, Công ty chỉ còn đầu tư vào 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam và 1 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây. Các khoản đầu tư này hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, nhân sự cũng giảm sút. Những vấn đề này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất.

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đang thực hiện tái cơ cấu tài chính, do vậy, trong năm Công ty tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất.

Ngày 02 tháng 03 năm 2018, Công ty có thành lập văn phòng đại diện theo số 4000386181-003 tại địa chỉ Lô 05 Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2018.

Người lập biểu

TRƯƠNG VĂN THỊNH

Kế toán trưởng

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

Tổng Giám đốc



VŨ ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Phụ lục 01

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	119.405.515.663	154.579.615.002
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	(3.276.123.452)	(3.276.123.452)
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	(2.776.123.452)	(2.776.123.452)
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
- Trích thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	116.129.392.211	1.633.213.070.395
5. Tăng trong năm nay	-	-	-	(1.042.229.616.938)	(1.042.229.616.938)
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	(1.042.229.616.938)	(1.042.229.616.938)
- Tăng từ thặng dư vốn và quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
6. Giảm trong năm nay	-	23.497.513.116	(32.582.949.816)	-	(9.085.436.700)
- Tăng vốn chủ sở hữu	-	23.497.513.116	(32.582.949.816)	-	(9.085.436.700)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
- Trích thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
7. Số dư cuối năm nay	1.500.000.000.000	26.169.114.884	-	(926.100.224.727)	600.068.890.157

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018



LÊ KHIẾU PHƯƠNG